TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 203/2024/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 09 tháng 04 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 97/2024/HNST ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Bùi Duy T, sinh năm 1983;

- Bà Trần Lê Thùy D, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: B Chung cư V, Khu phố B, phường P Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D được xác lập vào năm 2009, có đăng ký kết hôn quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D hiện nay đang cư trú tại Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, nên đây là việc thuận tình ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định của Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 2 Đ iều 29; Điều 35; Điểm h, Khoản 2, Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự thống nhất trình bày:

Ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 72, quyển số 01-2009 đăng ký ngày 26/6/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh)

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không cùng quan điểm sống, kinh tế khó khăn. Vợ chồng cùng nhau khắc phục nhưng không thành. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng tiếp tục chung sống cũng không còn hạnh phúc, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên các đương sự yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét, việc thuận tình ly hôn của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D xác nhận có 02 con chung là Bùi Trần Gia A (nữ), sinh ngày 13/5/2010 và Bùi Trần Gia P (nam), sinh ngày 23/9/2011.

Các đương sự thỏa thuận: Sau khi ly hôn bà Trần Lê Thùy D sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 (hai) con chung: là Bùi Trần Gia A (nữ), sinh ngày 13/5/2010 và Bùi Trần Gia P (nam), sinh ngày 23/9/2011.

Ông Bùi Duy T cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 (Mười triệu) đồng/ 01 tháng/ 02 trẻ.

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/05/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Bùi Duy T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Bùi Duy T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

Xét việc thỏa thuận nuôi và cấp dưỡng con chung của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số: 72, quyển số 01-2009 đăng ký ngày 26/6/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh)

- Về quan hệ con chung: Ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D cũng có 02 con chung là Bùi Trần Gia A (nữ), sinh ngày 13/5/2010 và Bùi Trần Gia P (nam), sinh ngày 23/9/2011;

Giao con chung cho bà Trần Lê Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Bùi Duy T cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000 (Mười triệu) đồng/ 01 tháng/ 02 trẻ.

Thi hành vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ ngày 01/05/2024 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Bùi Duy T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông Bùi Duy T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thi hành.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định là không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 000000977980 ngày 22/02/2024, với mã thông báo nộp tiền 0AX44555NF và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2023/0037914 ngày 23/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Duy T và bà Trần Lê Thùy D đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND nơi các đương sự đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (TK. Vân Anh).

Đào Lê Anh